萬能科技大學 2026年1+4國際專修部秋季班面試名單

Danh sách người được phỏng vấn

面試地點和時間安排將於 2026 年 4 月 30 日在招生網站上公佈。

Địa điểm và lịch phỏng vấn sẽ được thông báo trên trang web tuyển sinh vào ngày 30/04/2026.

第一階段篩選標準：1. 年齡2007/01/01(含)以後出生，2.高中學業平均成績7.57(含)以上。Tiêu chí sàng lọc giai đoạn đầu: 1. Sinh vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2007 (bao gồm). 2. Điểm trung bình học tập ở trường trung học từ 7.57 trở lên.

序號	申請科系	報名編號	姓 名	身分證字號
1	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	8	TRA* THI THA* BAO	015307**77
2	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	13	TRA* THI NGO* ANH	037307**58
3	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	15	NGU*** PHU*** ANH	036308**70
4	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	16	LE QUA** HUY	036208**44
5	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	25	TRA* NU HOA* GIA**	044307**98
6	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	29	DAO T*I NH* HO*	038307**80
7	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	33	DAO T*I HOA*	030307**67
8	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	39	LE KHA** LY	001308**98
9	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	40	PHA* DOA* DAI	031207**90
10	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	43	PHA* NGO* QUY**	019307**36
11	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	45	NGU*** THI ANH NGU***	030307**49
12	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	55	PHA* THI VA* AN*	040308**66

萬能科技大學 2026年1+4國際專修部秋季班面試名單

Danh sách người được phỏng vấn

面試地點和時間安排將於 2026 年 4 月 30 日在招生網站上公佈。

Địa điểm và lịch phỏng vấn sẽ được thông báo trên trang web tuyển sinh vào ngày 30/04/2026.

第一階段篩選標準：1. 年齡2007/01/01(含)以後出生，2.高中學業平均成績7.57(含)以上。Tiêu chí sàng lọc giai đoạn đầu: 1. Sinh vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2007 (bao gồm). 2. Điểm trung bình học tập ở trường trung học từ 7.57 trở lên.

序號	申請科系	報名編號	姓 名	身分證字號
13	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	58	NGU*** MAI Y NH*	051307**84
14	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	64	NGO THI TH* HIE*	030307**01
15	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	65	NGU*** THI NH* QUY**	042307**13
16	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	69	NGU*** NGO* THU* LIN*	079308**29
17	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	73	NGU*** THI KHA** VAN	030307**15
18	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	78	TRA* THI HUY** TRA**	040308**85
19	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	92	BUI HUY** MY	031308**07
20	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	103	DAN* THI KIM NHU**	087307**04
21	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	115	DO THI PHU*** NGA	027307**22
22	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	118	TRA* THI ANH SUO**	042307**20
23	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	136	LE QUA** THA*	089208**60
24	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	143	NGU*** THI TUY** CHI**	030307**03

萬能科技大學 2026年1+4國際專修部秋季班面試名單

Danh sách người được phỏng vấn

面試地點和時間安排將於 2026 年 4 月 30 日在招生網站上公佈。

Địa điểm và lịch phỏng vấn sẽ được thông báo trên trang web tuyển sinh vào ngày 30/04/2026.

第一階段篩選標準：1. 年齡2007/01/01(含)以後出生，2.高中學業平均成績7.57(含)以上。Tiêu chí sàng lọc giai đoạn đầu: 1. Sinh vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2007 (bao gồm). 2. Điểm trung bình học tập ở trường trung học từ 7.57 trở lên.

序號	申請科系	報名編號	姓 名	身分證字號
25	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	145	NGU*** THI MY LIN*	027307**73
26	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	149	NGU*** PHU*** LIN*	034308**07
27	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	151	NGU*** TRO** DAT	031207**91
28	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	159	CHU THI DIE* QUY**	033307**00
29	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	176	PHA* THI THU PHU*** ANH	035308**80
30	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	180	LE THI ANH PHU***	025308**06
31	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	181	HOA** THI THA*	015308**70
32	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	182	CU PHU*** THA*	025308**68
33	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	189	HOA** THI HUY** TRA**	030308**72
34	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	191	PHA* THI THA* NHU**	030308**27
35	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	197	VU NGO* ANH	035308**10
36	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	200	HOA** MIN* PHU***	037308**73

萬能科技大學 2026年1+4國際專修部秋季班面試名單

Danh sách người được phỏng vấn

面試地點和時間安排將於 2026 年 4 月 30 日在招生網站上公佈。

Địa điểm và lịch phỏng vấn sẽ được thông báo trên trang web tuyển sinh vào ngày 30/04/2026.

第一階段篩選標準：1. 年齡2007/01/01(含)以後出生，2.高中學業平均成績7.57(含)以上。Tiêu chí sàng lọc giai đoạn đầu: 1. Sinh vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2007 (bao gồm). 2. Điểm trung bình học tập ở trường trung học từ 7.57 trở lên.

序號	申請科系	報名編號	姓 名	身分證字號
37	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	202	HO NGU*** MIN* THU	048308**00
38	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	203	PHA* KHA** HUY**	034308**08
39	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	204	NGU*** THI THO*	034308**18
40	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	214	NGU*** HOA** NHU Y	072308**14
41	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	218	LAM TUY** NHI	079307**55
42	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	222	DO KHA** LIN*	036308**30
43	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	231	BUI THI THU* LIN*	025308**15
44	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	232	NGU*** PHA* PHU*** THA*	031308**21
45	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	236	NGU*** THI NGO* AN*	030307**85
46	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	243	NGU*** DIE* THU*	064307**34
47	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	246	DO DAN* QUY** LIE*	094308**67
48	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	247	PHA* NGO* LUY**	094308**42

萬能科技大學 2026年1+4國際專修部秋季班面試名單

Danh sách người được phỏng vấn

面試地點和時間安排將於 2026 年 4 月 30 日在招生網站上公佈。

Địa điểm và lịch phỏng vấn sẽ được thông báo trên trang web tuyển sinh vào ngày 30/04/2026.

第一階段篩選標準：1. 年齡2007/01/01(含)以後出生，2.高中學業平均成績7.57(含)以上。Tiêu chí sàng lọc giai đoạn đầu: 1. Sinh vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2007 (bao gồm). 2. Điểm trung bình học tập ở trường trung học từ 7.57 trở lên.

序號	申請科系	報名編號	姓 名	身分證字號
49	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	248	TRU*** THI TU QUY**	094308**00
50	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	255	MAI PHU*** ANH	025307**20
51	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	259	NGU*** NGO* LIN*	015308**56
52	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	263	LE T*U H*	025307**18
53	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	276	TRA* TUN* AN*	030208**37
54	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	291	PHA* NGU*** GIA LIN*	080308**66
55	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	292	PHA* SIN* HAI	068208**00
56	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	296	DIN* THI YEN V*	040307**50
57	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	301	TA PHU*** UYE*	027308**18
58	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	329	NGU*** HUY** ANH THO	094308**81
59	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	334	VO NGO* N*	943080**59
60	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	339	NGU*** ANH TH*	035308**42

萬能科技大學 2026年1+4國際專修部秋季班面試名單

Danh sách người được phỏng vấn

面試地點和時間安排將於 2026 年 4 月 30 日在招生網站上公佈。

Địa điểm và lịch phỏng vấn sẽ được thông báo trên trang web tuyển sinh vào ngày 30/04/2026.

第一階段篩選標準：1. 年齡2007/01/01(含)以後出生，2.高中學業平均成績7.57(含)以上。Tiêu chí sàng lọc giai đoạn đầu: 1. Sinh vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2007 (bao gồm). 2. Điểm trung bình học tập ở trường trung học từ 7.57 trở lên.

序號	申請科系	報名編號	姓 名	身分證字號
61	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	348	NGU*** THU* TRA**	027308**20
62	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	351	DO Y*N NH*	027307**08
63	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	352	TRA* THI HON* NHU**	025308**57
64	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	358	VU THI THU* DUO**	036308**08
65	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	365	TRA* THI THA** NGU***	054308**15
66	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	366	HOA** MAI HO*	024307**01
67	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	380	NGU*** THI H*	031307**00
68	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	393	PHA* PHU*** AN*	030308**06
69	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	397	LE NGO* PHU*** VY	080308**95
70	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	403	VU THI HUO** THA*	015307**27
71	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	404	TRA* NGU*** NHA QUY**	040307**07
72	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	405	BE THI H*I YE*	020308**58

萬能科技大學 2026年1+4國際專修部秋季班面試名單

Danh sách người được phỏng vấn

面試地點和時間安排將於 2026 年 4 月 30 日在招生網站上公佈。

Địa điểm và lịch phỏng vấn sẽ được thông báo trên trang web tuyển sinh vào ngày 30/04/2026.

第一階段篩選標準：1. 年齡2007/01/01(含)以後出生，2.高中學業平均成績7.57(含)以上。Tiêu chí sàng lọc giai đoạn đầu: 1. Sinh vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2007 (bao gồm). 2. Điểm trung bình học tập ở trường trung học từ 7.57 trở lên.

序號	申請科系	報名編號	姓 名	身分證字號
73	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	429	HOA** THI KHA* TAM	070307**15
74	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	437	HUY** KIE* NHU**	094307**04
75	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	446	NGU*** THU* TRA**	024308**71
76	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	457	NGU*** THI LIN* NGU***	020308**45
77	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	469	NGU*** HUU HA*	024208**52
78	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	474	NGU*** LE HUY** TRA**	044307**72
79	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	481	NGU*** THI THU HU*	027307**00
80	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	486	HO THI BA* TH*	094308**22
81	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	487	NGU*** HOA** LIN*	044308**16
82	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	495	NGU*** THI MIN* TH*	026307**02
83	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	498	NGU*** TRU** NGU**N	038208**44
84	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	527	NGU*** ANH T*	024208**12

萬能科技大學 2026年1+4國際專修部秋季班面試名單

Danh sách người được phỏng vấn

面試地點和時間安排將於 2026 年 4 月 30 日在招生網站上公佈。

Địa điểm và lịch phỏng vấn sẽ được thông báo trên trang web tuyển sinh vào ngày 30/04/2026.

第一階段篩選標準：1. 年齡2007/01/01(含)以後出生，2.高中學業平均成績7.57(含)以上。Tiêu chí sàng lọc giai đoạn đầu: 1. Sinh vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2007 (bao gồm). 2. Điểm trung bình học tập ở trường trung học từ 7.57 trở lên.

序號	申請科系	報名編號	姓 名	身分證字號
85	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	529	LE THI THU***	040308**13
86	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	542	LE KHA* MY	095308**86
87	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	550	NGU*** THI VAN AN*	027308**17
88	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	554	NGU*** HON* NGH*	096307**36
89	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	568	PHA* TRA GIA**	051308**04
90	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	571	NGU*** THI THU HAN*	025308**02
91	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	578	HOA** THA** THU*	020308**58
92	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	581	VU TRA** ANH	022308**08
93	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	587	NGU*** VAN AN*	034307**16
94	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	599	NGU*** HA LIN*	031308**41
95	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	604	NGO MIN* CHA*	026308**00
96	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	605	PHA* HON* AN*	040208**17

萬能科技大學 2026年1+4國際專修部秋季班面試名單

Danh sách người được phỏng vấn

面試地點和時間安排將於 2026 年 4 月 30 日在招生網站上公佈。

Địa điểm và lịch phỏng vấn sẽ được thông báo trên trang web tuyển sinh vào ngày 30/04/2026.

第一階段篩選標準：1. 年齡2007/01/01(含)以後出生，2.高中學業平均成績7.57(含)以上。Tiêu chí sàng lọc giai đoạn đầu: 1. Sinh vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2007 (bao gồm). 2. Điểm trung bình học tập ở trường trung học từ 7.57 trở lên.

序號	申請科系	報名編號	姓 名	身分證字號
97	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	608	VU PHU*** LIN*	022307**35
98	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	618	NGU*** THI THU HIE*	027308**97
99	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	620	PHA* THI PHU*** ANH	035308**98
100	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	629	LAI HA LIN*	035308**93
101	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	630	HOA** THI OAN*	040307**93
102	行銷與流通管理系 Khoa quản lý marketing và lưu thông	637	TRA* THI MAI CHI	040307**28

萬能科技大學 招生委員會